

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31/8/2023

“V/v Tranh chấp Ly hôn,
Nuôi con chung ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Khả Hòa, ông Nguyễn Đình Dược

-Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/8/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 121/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/7/2023 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị T, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Anh Cao Đại T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố 9, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Võ Thị T trình bày:*

-Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Cao Đại T có trải qua thời gian yêu thương tìm hiểu nhau, sau đó anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 26/9/2006.

Sau khi kết hôn anh chị cũng có thời gian sống hòa thuận, nhưng về sau chị và anh T xảy ra mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống không hòa thuận, vợ chồng không tin tưởng nhau, anh T chơi cờ bạc, nợ nần chồng chất làm khánh kiệt hết tài sản của gia đình.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa, có trở về sống chung thì cũng không mang lại hạnh phúc cho nhau nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung gồm: Cao Đại Anh T, sinh ngày 22/01/2008 và Cao Thị Uyên T, sinh ngày 08/10/2013. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cả 02 cháu. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí : Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Cao Đại T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị T có trải qua thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, sau đó chúng tôi tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 26/09/2006 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, lý do vợ chồng không hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, tính cách hai vợ chồng không hợp nhau. Tuy quan hệ vợ chồng mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nhưng do vợ chồng chưa giải quyết tài sản chung, nợ chung nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Cao Đại Anh T, sinh ngày 22/01/2008 và Cao Thị Uyên T, sinh ngày 08/10/2013. Anh nhất trí giao cả 02 cháu cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu nên anh không phải cấp dưỡng nuôi con.

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ:*

Bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn, Bản pho to chứng thực Giấy khai sinh, bản pho to chứng thực Giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, Thông báo số định danh cá nhân và thông tin công dân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của các đương sự.

Tại phiên tòa:

+Nguyên đơn chị Võ Thị T trình bày giữ nguyên yêu cầu ly hôn, nuôi con. Bỏ sung yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức 3.000.000đ/con/tháng.

+Bị đơn anh Cao Đại T giữ nguyên ý kiến không chấp nhận ly hôn vì chưa giải quyết chia tài sản. Thay đổi ý kiến, không chấp nhận giao cả 02 con cho chị T nuôi dưỡng mà đề nghị được nuôi dưỡng 01 con. Không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ, không yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác.

*** Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:**

*Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự thực hiện bảo đảm theo quy định của pháp luật.

*Về nội dung giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T.

-Về trách nhiệm nuôi con và cấp dưỡng nuôi con:

Xét ý kiến của các con của đương sự đều có nguyện vọng sống cùng với chị T, mặt khác đối với chị T có nghề nghiệp công nhân, có thu nhập ổn định, có thời gian quan tâm chăm sóc con; còn anh T không nghề nghiệp và thu nhập ổn định.

Do đó đề nghị giao cả 02 con cho T nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của các cháu và buộc anh T cấp dưỡng nuôi con mức 1.000.000đ/con /tháng

-Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu, bị đơn không làm thủ tục khởi kiện yêu cầu giải quyết theo quy định, nên không xem xét giải quyết.

-Về án phí: Đề nghị buộc chị T và anh T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

(Có văn bản phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên lưu tại hồ sơ)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có căn cứ để nhận định.

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Võ Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung với bị đơn anh Cao Đại T. Nên yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc trường hợp được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về giải quyết yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Chị T và anh T có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Đ, tỉnh Gia Lai vào ngày 26/09/2006 và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp.

Các đương sự thừa nhận sau khi kết hôn, thời gian đầu các đương sự sống hòa thuận hạnh phúc. Nhưng về sau thì sinh mâu thuẫn, không hòa hợp hiểu nhau, không tìm được tiếng nói chung, không còn tình cảm vợ chồng, hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa. Chị T yêu cầu ly hôn, nhưng anh T không đồng ý ly hôn chỉ với lý do vợ chồng chưa thỏa thuận chia tài sản chung và giải quyết nợ chung.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc anh T cho rằng chị T chưa thỏa thuận chia tài sản chung, nợ chung nên không chấp nhận ly hôn là không có cơ sở pháp lý. Đối

với yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận và xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung: Các đương sự có các con chung gồm: Cao Đại Anh T, sinh ngày 22/01/2008 và Cao Thị Uyên T, sinh ngày 08/10/2013.

Nguyên vọng của các cháu Cao Đại Anh T và cháu Cao Thị Uyên T đều mong muốn được sống cùng với chị T. Chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con và yêu cầu anh T cấp dưỡng mức 3.000.000đ/con/tháng. Còn anh T yêu cầu được nuôi 01 con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên vọng nuôi con chung của các đương sự là chính đáng, không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật. Tuy nhiên, qua hòa giải và tại phiên tòa các đương sự không thỏa thuận được với nhau. Do đó Hội đồng xét xử cần xem xét việc giao các con cho đương sự nào trực tiếp nuôi dưỡng phải phù hợp với thực tế về bảo đảm việc chăm sóc con phát triển về tinh thần, thể chất và ổn định trong sinh hoạt ăn học của các cháu. Ngoài ra cũng phải xem xét đến nguyên vọng của các cháu.

Thực tế theo ý kiến của các cháu đều có nguyên vọng mong muốn sống cùng với mẹ (chị T), mặt khác đối với chị T có nghề nghiệp là công nhân của Công Ty 75 - Binh đoàn 15, có thu nhập ổn định, có thời gian quan tâm chăm sóc con; còn anh T không nghề nghiệp và thu nhập ổn định nên không bảo đảm điều kiện chăm sóc các con như chị T.

Do đó vì quyền lợi về mọi mặt của trẻ em, con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao cho chị T trực tiếp nuôi cả 02 con là phù hợp với nguyên vọng của cả 02 cháu T và T. Trường hợp sau này có căn cứ không bảo đảm việc chăm sóc, thăm nom con theo quy định của pháp luật, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về giải quyết yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mức 3.000.000đ/ tháng/ con. Nhận thấy việc cấp dưỡng là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con, do đó yêu cầu của chị T là có căn cứ. Tuy nhiên không phù hợp với điều kiện thực tế thu nhập của anh T, nên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của chị T, buộc anh T cấp dưỡng mức 1.000.000đ/ tháng/ con là phù hợp. Trường hợp sau này có căn cứ anh T có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, thì các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi mức cấp nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Võ Thị T không yêu cầu, bị đơn anh Cao Đại T không làm thủ tục khởi kiện yêu cầu giải quyết theo pháp luật quy định, nên không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cần buộc chị T phải chịu án phí về yêu cầu ly hôn, buộc anh T phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 235, 246, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị T.

1. Xử cho chị Võ Thị T được ly hôn với anh Cao Đại T.

2. Giao cháu Cao Đại Anh T, sinh ngày 22/01/2008 và Cao Thị Uyên T, sinh ngày 08/10/2013 cho chị Võ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng khi cháu T và cháu T chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Buộc anh Cao Đại T cấp dưỡng nuôi con chung mức 1.000.000đ/ tháng/ con. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09/2023.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Chị Tư, anh T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Buộc chị Võ Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về ly hôn để sung vào ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005537 ngày 05/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

5. Buộc anh Cao Đại T phải chịu 300.000đ tiền án phí sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung vào ngân sách Nhà nước.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính kể từ ngày tuyên án (31/8/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- UBND TT C;
- Chi cục THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh